TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2017/HN-PT
Ngày: 11 - 7 - 2017
Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Tư

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Văn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre*:** Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLPT-HN, ngày 02 tháng 6 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn".

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 23/2017/HN-ST, ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2017/QĐPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đắc T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn T, thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Hoàng V, Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1987
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: chị A.

(tất cả có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn anh Nguyễn Đắc T trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Thúy A kết hôn năm 2010, điều kiện là do quen biết, có đăng ký kết hôn ngày 05/4/2010 tại UBND xã B. Thời gian chung sống có một con chung tên Nguyễn Khánh H, sinh ngày 14/11/2011, kết hôn xong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ anh không quan tâm chăm sóc cho chồng con, thường xuyên đi chơi nhưng không nói với anh, đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn. Về con chung anh đồng ý để cho chị A nuôi, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về nợ chung, tài sản chung: không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày: Chị thống nhất như lời trình bày của anh T về thời gian và điều kiện kết hôn. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh T thường xuyên đi chơi không chăm lo vợ con, anh cũng thường xuyên ghen vô cớ. Ngoài ra, do sống chung với gia đình chồng và vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, cả hai có bàn bạc tìm cách khắc phục nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn tiếp. Cả hai sống ly thân cách nay khoảng 01 tháng. Nay anh T xin ly hôn chị cũng đồng ý. Về con chung: có một con chung là cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 14/11/2011, nếu tòa xử cho ly hôn thì chị xin được quyền nuôi dưỡng con và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng mà anh T đã đề nghị nhưng xin cấp dưỡng một lần để chị và con có điều kiện về chỗ ở. Về tài sản chung: gồm 02 xe Honda, 04 chỉ vàng 24k, 01 chỉ vàng 18k, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết. Về nợ chung: không có.

Ngày 10 tháng 4 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng Điều 55, 58, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị Thúy A.

Anh Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với nhau.

Về phần con chung: chị Nguyễn Thị Thúy A trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 14/11/2011, anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2017 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

Tài sản chung: anh T, chị A trình bày anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: anh T, chị A trình bày không có nên không đề cập.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Ngày 23 tháng 4 năm 2017 chị Nguyễn Thị Thúy A có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung, cụ thể: yêu cầu anh T phải giao cho chị 02 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k; buộc anh T phải chia cho chị ½ giá trị của chuồng trại (dùng để chăn nuôi heo) là 40.000.000 đồng và trả lại cho chị chiếc xe Yamaha biển số 71B1 – 88620 (do chị đứng tên trên giấy đăng ký xe). Tại phiên tòa phúc thẩm chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nay chị kháng cáo về phần này nên không có căn cứ để xem xét, nếu chị A muốn yêu cầu chia tài sản chung thì có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác. Do đó, đề nghị Tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thúy A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thúy A và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Đắc T, chị Nguyễn Thị Thúy A đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C nên được xem hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình sống chung thời gian đầu sống có hạnh phúc, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A, chị A cũng đồng ý ly hôn với anh T. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 55, 58, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh T là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, hai bên đương sự không kháng cáo về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực.

[2] Xét kháng cáo của chị A về phần tài sản chung nói trên, thấy rằng: trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm chị A và anh T tự thỏa thuận về phần tài sản chung và không yêu cầu tòa giải quyết. Do đó, nay chị A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc anh T phải giao cho chị số tài sản gồm 02 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k; ½ giá trị của chuồng trại (dùng để chăn nuôi heo) là 40.000.000 đồng và 01 xe honda hiệu Yamaha là không có cơ sở để xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn thì chị A có thể khởi kiện bằng một vụ án khác để yêu cầu Tòa giải quyết cho chị theo quy định của pháp luật. Kháng cáo của chị A không có cơ sở nên không được chấp nhận. Lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị A phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thúy A.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 23/2017/HNGĐ -ST, ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 55, 58, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị Thúy A.

Anh Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với nhau.

Về phần con chung: chị Nguyễn Thị Thúy A trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 14/11/2011, anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi

tháng 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2017 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: anh T, chị A trình bày anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: anh T, chị A trình bày không có nên không đề cập.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, anh Nguyễn Đắc T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu 0008227 ngày 14/02/2017 của Chị cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Anh Nguyễn Đắc T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi còn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

Án phí phúc thẩm: chị Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008451 ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu H.S vụ án, V.P, phòng KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thế Xương